

HOÀNG VĂN CHUNG*

SUY NGHĨ VỀ NGHIÊN CỨU BIẾN ĐỔI TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Tóm tắt: Trong những thập niên kể từ Đổi mới đến nay, cùng với biến đổi mạnh mẽ của đất nước khi tiến vào hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới, tôn giáo và đời sống tôn giáo ở Việt Nam cũng có sự biến đổi đáng kể. Nắm bắt được sự biến đổi tôn giáo sẽ hiểu được sự vận động của tôn giáo trong bối cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa cụ thể, đồng thời, dự đoán được những ảnh hưởng của biến đổi tôn giáo đến thiên hướng suy nghĩ, lối sống và các hành vi của tín đồ tôn giáo. Nhưng biến đổi tôn giáo ở Việt Nam rất đa dạng về biểu hiện, diễn ra theo những xu hướng và mức độ khá khác nhau. Nhiều nghiên cứu đã bắt đầu phân tích các phương diện của biến đổi tôn giáo trong thực tiễn nhưng việc khái quát thành những khung phân tích trực quan, khả dụng còn mờ nhạt. Bài viết góp thêm những cơ sở lý luận cho nhận diện và phân tích các hình thức, cơ chế của biến đổi tôn giáo, từ đó, đề xuất cách phân tích biến đổi tôn giáo ở vùng biên giới đất liền của Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Biến đổi tôn giáo, đời sống tôn giáo, hiện đại hóa, thế tục hóa, biên giới đất liền

Dẫn nhập

Suốt chiều dài lịch sử văn minh nhân loại, các tôn giáo đã luôn biến đổi (transform) theo các chiều hướng khác nhau. Nhiều tôn giáo xuất hiện rồi tàn lụi; các tôn giáo thay nhau vị thế thống trị trong một bối cảnh cụ thể; những truyền thống tôn giáo lớn bị phân tách thành các truyền thống nhỏ hơn; hoặc xuất hiện những tôn giáo mới, có tính thay

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết là một phần sản phẩm của Đề tài cấp Bộ "Vấn đề tôn giáo vùng biên giới đất liền Việt Nam hiện nay góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị" thuộc Chương trình "Nghiên cứu tổng thể vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, chính trị trong điều kiện hiện nay" do Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam chủ trì thực hiện.

Ngày nhận bài: 25/12/2024; Ngày biên tập: 28/12/2024; Duyệt đăng: 15/1/2025.

thể. Trong toàn thể đời sống tôn giáo, các hệ niềm tin tôn giáo ngày càng phong phú, trong khi cách thức diễn tả niềm tin, truyền giáo, tổ chức cộng đồng tín đồ, xây dựng cơ sở thờ cúng đều đầy ắp sức sáng tạo và liên tục được đổi mới.

Trong những thành tựu về nghiên cứu tôn giáo của giới khoa học xã hội nói chung cho tới nay, đáng chú ý nhất là những lý luận cho rằng tôn giáo luôn có mối liên hệ chặt chẽ với xã hội, là tấm gương phản chiếu những xung động, biến đổi trong đời sống xã hội [xem Crippen Timothy 1988, José Casanova 1994, Joanne R. Smith & Randolph Haluza-DeLay 2021]. Do đó, từ nhận thức về biến đổi trong tôn giáo có thể liên hệ được với những biến đổi của xã hội.

Ở Việt Nam, trong những diễn biến của đời sống tôn giáo từ sau Đổi mới vào năm 1986, một trong những điểm nổi bật và mới mẻ nhất chính là những biến đổi về đời sống tôn giáo. Một số câu hỏi đặt ra là tôn giáo đã và đang biến đổi theo những hình thức và xu hướng nào? Sự biến đổi ấy bộc lộ những động cơ nào và nhằm đạt những mục đích gì? Đây là những nhân tố chính có vai trò tạo ra hay thúc đẩy sự biến đổi tôn giáo? Có thể đề xuất một khung phân tích biến đổi tôn giáo không? Đây là những câu hỏi hay vấn đề đặt ra mà không dễ có câu trả lời dứt khoát. Một số nhà nghiên cứu đã bước đầu đưa ra cách phân tích biến đổi tôn giáo của mình [Đỗ Quang Hưng 2013, 2018, Nguyễn Văn Minh 2013, Đỗ Lan Hiền 2018, Nguyễn Hồng Dương và Nguyễn Thị Quế Hương 2018, Nguyễn Phú Lợi 2022, Lê Tâm Đắc 2025...] Tuy nhiên, các cách phân tích ấy chủ yếu phân tích biến đổi tôn giáo ở mức vĩ mô, còn thiếu các phương diện, tầng mức ở mức vi mô mà ở đó có thể thấy rõ hơn những biến đổi vi tế của đời sống tôn giáo và bên trong mỗi tôn giáo. Mặt khác, chưa có công trình nào mô hình hóa khung phân tích biến đổi tôn giáo ở Việt Nam để có cái nhìn trực quan và thấy được logic của các cấu phần. Bài viết sử dụng tiếp cận Tôn giáo học và Xã hội học cùng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp để làm rõ những vấn đề này. Tiếp cận Tôn giáo học được vận dụng trong việc phân tích tôn giáo như một hiện tượng văn hóa-xã hội, có tính lịch sử và luôn phát triển. Xã hội học về tôn giáo được vận dụng để phân tích biến đổi tôn giáo như một quá trình, đặt trong tương quan với các quá trình biến đổi trong các lĩnh vực khác (chính trị, văn hóa, kinh tế, khoa học, luật pháp, bảo vệ môi trường...) thuộc tổng thể xã hội.

1. Một số lý luận về biến đổi tôn giáo

"Biến đổi tôn giáo" (religious transformation) không phải là một khái niệm của nhiều tranh cãi trong giới học thuật. Người ta dễ dàng nhất trí với nhau rằng nói đến biến đổi tôn giáo thì nghĩa là nói đến những thay đổi (changes) trong mỗi truyền thống tôn giáo hoặc trong tổng thể đời sống tôn giáo tới mức trở nên khác với những gì được quan sát, ghi nhận từ trước đó. Trong thực tiễn nghiên cứu tôn giáo, làm rõ được biến đổi tôn giáo là không dễ bởi nó diễn ra phong phú, đa chiều, lúc ngầm ẩn, lúc rõ rệt và ở các tầng, bậc, mức độ khác nhau.

Theo Từ điển Cambridge, "transformation" nghĩa là "một sự thay đổi hoàn toàn về bề ngoài hoặc đặc tính của vật gì đó hoặc ai đó, đặc biệt, theo hướng là trở nên tốt hơn" [Cambridge dictionary]. Như thế, "biến đổi" cũng là một sự "thay đổi" nhưng mạnh mẽ, toàn diện, mang tính quá trình và thường hàm ý tích cực. Nói về "biến đổi tôn giáo" (transformation) nghĩa là phải nói đến thay đổi (change) diện mạo bên ngoài hoặc tính chất bên trong của tôn giáo. Thay đổi phải đủ nhiều, đủ mạnh mẽ, trong thời gian đủ dài, tới mức dễ dàng nhận ra sự khác biệt so với tình trạng đã được ghi nhận trước đó.

Trong nghiên cứu của các học giả phương Tây, thuộc cả phía nghiên cứu khoa học thế tục như Tôn giáo học (Religious studies) và phía Thần học (Theology), "biến đổi tôn giáo" mang những ý nghĩa khác nhau. Trong không ít trường hợp cả "religious change" và "religious transformation" được sử dụng để cùng nói về một vấn đề. Biến đổi tôn giáo có thể là những thay đổi tôn giáo, theo đó, bất cứ điều gì thay đổi trong một tôn giáo hay trong toàn thể lĩnh vực tôn giáo đều được xem xét và đánh giá. Có thể thấy, biến đổi trong những phát hiện và phân tích về sự suy yếu của các truyền thống tôn giáo lớn thể hiện qua sự phai nhạt về niềm tin, suy giảm tần suất thực hiện nghi lễ tại nhà thờ và biến động giảm về số lượng tín đồ; sự xuất hiện các trào lưu tôn giáo mới đầy tính cạnh tranh; các tư tưởng tôn giáo mới bị đẩy lên mức cực đoan; ngược lại, là sự phục hồi tôn giáo được quan sát trên phạm vi toàn cầu.

Biến đổi tôn giáo cũng có thể được xem trong sự biến đổi tâm linh (spiritual transformation) mà tại đó sự thay đổi trong niềm tin và thực hành hướng tới cái siêu nhiên mang tính chung chung và trừu tượng (không phải là một Thượng đế có nhân vị, lịch sử hoặc danh xưng cụ thể), hay sự trở lại của phiếm thần luận (pantheism). Do đó, một số

khái niệm học thuật mới mẻ đã xuất hiện, như "tâm linh nhưng không tôn giáo" (spiritual but not religious) [Michael Lipka and Claire Gecewicz 2017], "thực hành tôn giáo phi truyền thống", "tôn giáo phi giáo hội", "tôn giáo cá nhân" (self religion) [Paul Heelas 1991], "tái thiêng hóa", "giải thể tục hóa" [xem Nguyễn Xuân Nghĩa 2019], v.v.

Thomas Dubois cho rằng, biến đổi tôn giáo (transformation of religion) diễn ra ở ba phương diện gồm *xã hội*, *thần học*, và *kỹ nghệ*. Trong đó, thần học có mối quan hệ mật thiết với xã hội vì chúng tương tác lẫn nhau; còn kỹ nghệ chỉ phương thức người ta quản trị, giáo dục, tổ chức, truyền thông cũng như là các nghị trình tư tưởng. Ông lý luận rằng các kỹ nghệ mới tạo ra các thực tại và các khả năng mới, do đó tác động đến xã hội và thần học. Theo đó, phân tích "biến đổi tôn giáo" nghĩa là phân tích cách bộ ba nói trên biến đổi, cách người ta giải thích về tôn giáo, về biến đổi trong thực hành tôn giáo, và về biến đổi trong ý nghĩa xã hội của tôn giáo [Thomas Dubois, 2009: 1-2]. Quan niệm này nhấn mạnh sự biến đổi mang tính tương thuộc giữa ba mức độ mà tôn giáo chủ yếu hiện diện, đặc biệt, lưu ý sự liên hệ mật thiết giữa tôn giáo và hiện tại xã hội.

Một nghiên cứu định lượng với dữ liệu 200 quốc gia trong giai đoạn 1900-1980 rút ra rằng, bản chất của biến đổi tôn giáo gồm các phương diện sau: 1) biến đổi tôn giáo đôi khi diễn ra theo đường xoắn ốc thay vì đường thẳng; 2) đổi mới tôn giáo và các nỗ lực củng cố tôn giáo diễn ra thường xuyên; 3) khi một truyền thống tôn giáo thống trị suy yếu về ảnh hưởng, nó hầu như luôn bị thay thế bởi một truyền thống tôn giáo khác; 4) biến đổi tôn giáo xuất hiện trong mọi xã hội; 5) biến đổi tôn giáo gần như đi cùng những thay đổi xã hội, đặc biệt là những thay đổi chính trị. Các tác giả cũng chỉ ra rằng, biến đổi tôn giáo có thể mang trong mình nhiều dạng thức, thường xuyên sẽ diễn ra, đặc biệt ở các quốc gia kém phát triển, và có thể nói về sự suy giảm nói chung về quyền lực của tôn giáo trên phạm vi toàn cầu [James T. Duke và Barry L. Johnson, 1989: 210; 222].

Ở một chiều kích khác, biến đổi tôn giáo được dùng để nói đến hiện tượng hay quá trình chuyển đổi tôn giáo hay cải đạo (religious conversion), mà chủ yếu xem xét được ở mức độ vi mô, nghĩa là cá nhân. Chuyển đổi tôn giáo, theo Lewis Rambo, "là sự thay đổi từ thiếu vắng một hệ thống đức tin tôn giáo sang gắn kết với một đức tin cụ thể, từ sự gắn kết với một tôn giáo này sang tôn giáo khác, hay từ một

thiên hướng này sang một thiên hướng khác ngay trong một hệ thống đức tin tôn giáo" [Lewis Rambo, 1993: 1-2]. Theo đó, chuyển đổi tôn giáo có thể xảy ra theo nhiều cách, nhưng cách nào đi nữa nó cũng cơ bản là làm thay đổi hẳn thế giới quan, lối sống và hành vi bên trong một con người. Cùng về mối quan tâm này, Beverly Johnson-Miller cho rằng biến đổi tôn giáo là sự thay đổi về các hình dạng hoặc cấu trúc tôn giáo bên trong một cá nhân. Biến đổi tôn giáo trong cá nhân đó liên quan đến một thay đổi hoặc một loạt các thay đổi phức tạp tạo ra sự thay đổi trạng thái, hoặc là từ việc thay đổi truyền thống tôn giáo này sang theo truyền thống tôn giáo khác, hoặc là thiết lập cách thức mới trong liên hệ và trở thành thành viên của một truyền thống tôn giáo cụ thể. Do đó, biến đổi tôn giáo có thể xem xét qua sự liên hệ với những thay đổi trong các cá nhân về mối liên hệ đến truyền thống tôn giáo của mình [Beverly Johnson-Miller, 2015: 33].

Bên cạnh đó, còn nhiều nghiên cứu đã được thực hiện về chuyển đổi từ niềm tin bản địa vào đa thần lên niềm tin của các hệ thống tôn giáo độc thần, sự chuyển đổi từ tôn giáo này sang tôn giáo khác, từ có tôn giáo sang vô thần, từ theo tôn giáo đã thể chế hóa sang đi theo các xu trào mang tính tâm linh, v.v. Như vậy, chuyển đổi tôn giáo diễn ra cả ở phương diện từ chỗ chưa tin rồi đi theo một niềm tin tôn giáo cụ thể đến có một niềm tin như thế và phương diện một cá nhân trở nên trưởng thành, sâu sắc và nhiệt tâm hơn với chính niềm tin tôn giáo mình đã theo từ trước. Sự chuyển đổi tôn giáo diễn ra trên diện rộng sẽ dẫn đến sự thay đổi bức tranh tôn giáo nơi một khu vực địa - văn hóa cụ thể. Thế giới thời cận-hiện đại chứng kiến sự lan rộng của các truyền thống tôn giáo lớn (Công giáo, đạo Tin Lành, Islam giáo) đi cùng với quá trình thuộc địa hóa, truyền giáo trước kia và quá trình toàn cầu hóa về văn hóa, tôn giáo sau này. Sự chuyển đổi tôn giáo mà cụ thể là từ các niềm tin tôn giáo mang tính bản địa hay các niềm tin tôn giáo đã thể chế hóa khác sang các tôn giáo lớn như Ki tô giáo, Islam giáo hay Phật giáo rõ ràng tạo ra niềm tin vào các thế giới quan tôn giáo mới, sự hình thành các thiết chế mới chi phối đời sống cá nhân và cộng đồng, và những thiên hướng hành động khác với trước đó ở những khu vực địa lý cụ thể.

Ngoài ra, biến đổi tôn giáo cũng được nhìn nhận và lý giải qua những hệ lý thuyết về tiến hóa luận (evolutionalism), về thế tục hóa (the thesis of secularization), lựa chọn hợp lý, và thị trường tôn giáo... Từ giữa thế kỷ XX, hệ lý thuyết Thế tục hóa nổi lên, ban đầu nó được luận giải là quá trình biến đổi theo đường thẳng của một xã hội từ gần

bó với các giá trị và thiết chế tôn giáo sang xã hội định tính bởi các giá trị phi tôn giáo và sự ưu trội của các thiết chế thể tục và tính hiện đại. Thuyết này tin rằng khi các xã hội tiến hóa hơn, đặc biệt qua quá trình hiện đại hóa (modernization) và lý tính hóa (rationalization) như đã diễn ra ở Châu Âu, tôn giáo sẽ mất đi uy quyền của nó trên mọi phương diện của đời sống và quản trị xã hội, sẽ bị thu hẹp ảnh hưởng, cũng như tồn tại trong các không gian riêng tư. Điều đáng bàn là hệ lý thuyết này bắt đầu trở nên lạc hậu khi thế giới ngày nay chứng kiến sự phục hồi của tôn giáo từ đầu thế kỷ XXI, tới mức giới khoa học đặt vấn đề là có thể tôn giáo chưa bao giờ thực sự mất đi tầm ảnh hưởng và sự quan trọng đối với cá nhân và xã hội [xem Nguyễn Xuân Nghĩa 2003; Nguyễn Xuân Nghĩa, 2019].

Nếu tôn giáo không mất đi nhưng cũng không còn giống như trước đó, thì chỉ có cách nói rằng tôn giáo đã biến đổi. Đây là lập luận của Crippen Timothy. Ông cho rằng hệ lý thuyết thể tục hóa vẫn có điểm đúng, nhưng thay vì tìm ra minh chứng ủng hộ hoặc phản đối lý thuyết này, cần có cái nhìn khác đi về tôn giáo trong thế giới hiện đại. Theo ông, phân tích về biến đổi tôn giáo cần tập trung vào ba chủ đề: (1) luận giải về tôn giáo; (2) cái thiêng trong tương quan với cái siêu nhiên; và (3) các chiều kích về mặt tổ chức của bản sắc thiêng trong thế giới hiện đại [Crippen Timothy, 1988: 325-326]. Theo cách này, rõ ràng việc luận giải lại tôn giáo trên quan niệm về cái thiêng trong bối cảnh thế giới hiện thời của chính các tôn giáo đã thay đổi và điều đó dẫn đến biến đổi tôn giáo. Ông nói rõ hơn như sau: "Tôn giáo khó biến mất trong thế giới hiện đại; thay vì thế, hình thức và nội dung của nó đang trải qua sự biến đổi sâu sắc trong liên hệ với tốc độ mở rộng và cấu kết mau chóng giữa chính trị và kinh tế trong vài thế kỷ qua. Hơn nữa, các vị thần cũ, nói thẳng ra là không chết đi trong cuộc đấu tranh với các vị thần mới. Khi xã hội con người mở rộng về quy mô và tính phức tạp về cấu trúc, các yếu tố thuộc ý thức tôn giáo truyền thống không đơn giản phai mờ; thay vào đó chúng cũng biến đổi trong liên hệ với các bối cảnh kinh tế và chính trị luôn biến động" [Crippen Timothy, 1988: 332]. Như thế, Timothy nhấn mạnh rằng, tôn giáo biến đổi có cơ sở từ và trong sự tương tác với biến đổi của bối cảnh xã hội, đặc biệt trong các lĩnh vực thiết yếu như chính trị và kinh tế. Duke và Johnson tái khẳng định quan điểm này, khi họ kết luận rằng, biến đổi tôn giáo có liên hệ mật thiết với các điều kiện chính trị trong một quốc gia cụ thể [James T. Duke và Barry L. Johnson, 1989: 210].

Lý thuyết về thị trường tôn giáo, hay lý thuyết cung-cầu áp dụng vào nghiên cứu tôn giáo – hướng tiếp cận mới về tôn giáo – có thể thấy trong các công trình của Roger Finker, Rodney Stark, Ronald Inglehart và Pippa Norris, Yang Fenggang... Theo cách nhìn này, toàn bộ đời sống tôn giáo có thể xem như một thị trường tôn giáo nơi các tôn giáo cạnh tranh với nhau để giành lấy tín đồ. Thị trường này sẽ biến động khi cung và cầu mất đi sự cân đối. Sự cân đối đó trong một số trường hợp dựa trên điều kiện tự do tôn giáo đã đạt mức độ cao. Tại đó, đa nguyên tôn giáo được mở rộng, nhiều tôn giáo tham gia vào thị trường và làm gia tăng quy mô của thị trường. Trong trường hợp chính trị can thiệp mạnh vào tôn giáo, thì đây là yếu tố làm mất cân bằng của cung-cầu theo hướng làm thu hẹp thị trường tôn giáo. Sự mất cân bằng cung-cầu như thế, dù do yếu tố nào tác động, cũng là một thước đo cho biến đổi tôn giáo [xem: Hoàng Văn Chung, 2021:84-85].

Nhìn chung, nói đến biến đổi tôn giáo, trong học thuật phương Tây, là nói đến các phương diện và mức độ khác nhau; có thể là biến đổi trong mỗi tôn giáo, biến đổi trong tổng thể lĩnh vực tôn giáo, và biến đổi trong quan hệ giữa tôn giáo với các lĩnh vực phi tôn giáo. Nhưng chung nhất, nó chỉ sự thay đổi các thành tố cốt lõi trong mỗi tôn giáo dẫn đến những thay đổi ra giao diện bên ngoài và trong cách tôn giáo tương tác với đời sống của xã hội thể tục. Những thay đổi ấy kết hợp lại dẫn đến thay đổi của cả hệ thống tôn giáo trong một xã hội cụ thể. Biến đổi tôn giáo nên được nhìn và phân tích như là một quá trình động, luôn song hành với biến đổi của bối cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Trong quá trình đó, các nhân tố có liên quan đến việc thúc đẩy hay kìm hãm biến đổi tôn giáo như nhân tố nhà nước (qua chính sách, pháp luật), nhân tố tôn giáo (tổ chức và cá nhân tôn giáo), nhân tố thị trường (đại diện cho kinh tế-xã hội)... đều thực chất theo đuổi các mục đích không đồng nhất. Mục tiêu sau cùng của biến đổi tôn giáo là giữ cho tôn giáo tiếp tục tồn tại và thích ứng liên tục với bối cảnh xã hội.

3. Biến đổi tôn giáo trong bối cảnh Việt Nam

Từ Đổi mới, biến đổi tôn giáo ở Việt Nam đã được ghi nhận và ngày càng có nhiều nghiên cứu phân tích nguyên nhân, xu hướng và tác động của biến đổi tôn giáo. Từ năm 2013, Đỗ Quang Hưng đã nói đến tái cấu trúc tôn giáo, hiểu như "sự tái cấu trúc bên trong thế giới mỗi tôn giáo và sự biến đổi của cấu trúc *cái tôn giáo*, dẫn đến sự biến đổi phương thức hiện diện của chúng trong đời sống xã hội và pháp lý; phù hợp với điều kiện *thị trường tôn giáo* đã thay đổi và bản thân

logic của các tôn giáo cũng đã biến đổi" [Đỗ Quang Hưng, 2013: 179]. Sự biến đổi của đời sống tôn giáo được tác giả phân tích qua sự biến động (theo hướng tăng lên của số lượng tín đồ tôn giáo), sự đa dạng hóa tôn giáo và sự hình thành "thị trường tôn giáo" cũng như các điều kiện pháp lý đã được thay đổi. Sau này, tác giả khi bàn đến biến đổi đời sống tôn giáo ở Việt Nam đã bắt đầu với đặt vấn đề về khả năng xuất hiện "sự thức tỉnh tôn giáo" giống như ở các quốc gia phương Tây. Sự thức tỉnh ấy có thể nhận biết qua biến động của Nhân khẩu học tôn giáo, biến đổi của hệ thống tôn giáo, biến đổi của vai trò và chức năng của tôn giáo với đời sống cá nhân và xã hội [Đỗ Quang Hưng, 2018: 6-8]. Cùng theo hướng nhìn này, Hoàng Văn Chung cho rằng, tái cấu hình tôn giáo cũng có thể xem là hệ quả của sự gia tăng tương tác hai chiều và mạnh mẽ giữa các lĩnh vực tôn giáo (religious sphere) và các lĩnh vực phi tôn giáo (non-religious spheres). "Tái cấu hình tôn giáo" là một quá trình phức tạp trong đó các lĩnh vực tôn giáo và phi tôn giáo liên tục tìm cách tái định hình lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau trong khi vẫn tìm kiếm sự tự lập ngày càng cao hơn. Quá trình này mạnh mẽ và sâu rộng, bởi nó làm phát sinh hoặc tiếp sức cho các quá trình khác nhỏ hơn như tái sáng tạo tôn giáo, tái sáng tạo truyền thống, thiết chế hóa tôn giáo, thích hợp tôn giáo với tính hiện đại và thế tục, [Hoàng Văn Chung 2017: 53-54].

Nguyễn Văn Minh khi luận giải về biến đổi tôn giáo ở Việt Nam đã nhấn mạnh các xu hướng chủ yếu như thế tục hóa (sự hòa nhập vào đời sống kinh tế- xã hội của các tổ chức và cộng đồng tôn giáo; vật chất hóa các hoạt động tôn giáo; phục hưng các tôn giáo thế giới; dân tộc hóa và phục hồi các tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội truyền thống; xu hướng tin vào những hiện tượng thần bí và khả năng siêu phàm; xuất hiện các hiện tượng tôn giáo mới [Nguyễn Văn Minh, 2013: 302-334]. Bàn về biến đổi tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh mới, Đỗ Lan Hiền đưa ra khung phân tích trên ba phương diện theo Tôn giáo học là biến đổi về niềm tin tôn giáo; biến đổi về hành vi thực hành nghi lễ tôn giáo; biến đổi về cộng đồng đức tin [Đỗ Lan Hiền, 2018]. Nguyễn Phú Lợi lại có cách tiếp cận khác khi đưa ra cách phân tích biến đổi tôn giáo qua biến đổi về diện mạo và tái cấu trúc tôn giáo, sự chuyển đổi đức tin, sự xuất hiện các hiện tượng tôn giáo mới, sự hình thành các cộng đồng tôn giáo-tộc người, sự biến đổi về phương thức truyền giáo và lối sống đạo để minh chứng cho sự biến đổi đời sống tôn giáo ở Việt Nam [Nguyễn Phú Lợi, 2018]. Ngoài ra, còn nhiều công trình

nghiên cứu về biến đổi diễn ra trong các tôn giáo cụ thể. Ví dụ, với Công giáo, Nguyễn Hồng Dương tập trung phân tích các biến đổi về: cộng đồng giáo họ, giáo xứ; tổ chức giáo hội cơ sở; tổ chức hội đoàn; cộng đồng tín đồ; cộng đồng tu sĩ; cộng đồng giáo sĩ [Nguyễn Hồng Dương, 2018]. Trong một nghiên cứu khác cũng về biến đổi Công giáo, Nguyễn Hồng Dương và Nguyễn Thị Quế Hương tập trung phân tích và nêu dẫn chứng rằng biến đổi đã diễn ra ở những phương diện cốt yếu như chính trị, văn hóa, môi trường, kinh tế-xã hội [Nguyễn Hồng Dương và Nguyễn Thị Quế Hương, 2018]. Sau đó, hàng loạt đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ của Viện Nghiên cứu Tôn giáo hoàn thành trong giai đoạn 2019-2021 đã phân tích những biến đổi trên các phương diện *niềm tin, thực hành, cộng đồng và tương tác với xã hội* trong các tôn giáo ngoại sinh và nội sinh ở Việt Nam.

Biến đổi tôn giáo ở Việt Nam thực sự ghi nhận mối liên hệ mật thiết đến thay đổi trong đời sống chính trị. Từ năm 1986, những thay đổi từ chính sách, pháp luật về tôn giáo đã dẫn đến những quá trình sâu rộng diễn ra trong toàn bộ lĩnh vực tôn giáo, cụ thể như sự hồi sinh và phát triển của tôn giáo [xem Philip Taylor, 2007], đa dạng hóa tôn giáo, hay tái sáng tạo tôn giáo... Các quá trình này đã minh họa cho những biến đổi của đời sống tôn giáo ở Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI. Từ phương diện rộng, có thể quan sát thấy một thực tế là ngày càng nhiều người sử dụng tôn giáo như một trong các chiến lược cá nhân nhằm tìm kiếm địa vị xã hội, sự giàu có, sức khỏe thể chất cũng như sự thăng bằng về tâm lý. Có thể thấy một sự gia tăng rõ ràng, các nguồn lực cho các hoạt động tôn giáo, sự đa dạng những người thực hành niềm tin tôn giáo, cũng như sự phong phú hơn các lựa chọn về niềm tin và cách thức diễn tả và chia sẻ niềm tin tôn giáo. Các tổ chức và tín đồ tôn giáo liên tục sáng tạo, biến đổi, kết hợp, luận giải về quan niệm và thực hành nghi lễ và diễn tả niềm tin vào cái thiêng để đáp ứng nhu cầu của đời sống tinh thần và phù hợp và điều kiện sống đương thời. Tất cả đều cho thấy, tôn giáo đã biến đổi, với vai trò chủ động từ phía người thủ đắc niềm tin và thực hành nghi lễ.

Các tôn giáo chủ lưu gia tăng ảnh hưởng thông qua các hoạt động thiện nguyện, an sinh, đóng góp cho phúc lợi xã hội. Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành và nhiều tôn giáo nội sinh đẩy mạnh lộ trình dần thân vào xã hội thế tục, cụ thể có thể thấy trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế, từ thiện, làm kinh tế, phát huy các giá trị và truyền thống văn hóa dân tộc. Kết quả là, sự hiện thực hóa những chiến lược ấy dẫn tới

sự hiện diện nhiều hơn của các tôn giáo này ở các không gian công, ngoài phạm vi tổ chức của mình. Chúng ta thấy, các tôn giáo mạnh dạn và chủ động hơn không chỉ lên tiếng về các vấn đề xã hội, mà còn dần dần góp phần hóa giải những vấn đề đó bằng chính những nguồn lực về trí tuệ, vật chất và nhân lực của mình. Những vận động của đời sống tôn giáo nói chung chắc chắn chịu ảnh hưởng của sự chuyển mình của các tôn giáo lớn. Ở bên trong, đã diễn ra những quá trình mà các tôn giáo này tìm lại sức sống của mình thông qua hiện đại hóa, đổi mới và gia tăng sự hiện diện nơi không gian công cộng. Do đó, hoạt động giáo dục và đào tạo đội ngũ chức sắc cũng như tín đồ được chú trọng, việc kiện toàn bộ máy tổ chức được đẩy mạnh, và cơ sở vật chất mà cụ thể là các không gian dành cho thực hành nghi lễ được phục dựng, tôn tạo, nâng cấp và mở rộng. Có thể nói, trong vài thập niên qua, các tôn giáo đã có sự đổi mới mạnh mẽ từ trong ra ngoài, dẫn tới sự hình thành diện mạo và những sức sống mới. Kết quả của những đổi mới như thế dẫn đến sự thay đổi đáng kể về số lượng người thừa nhận mình theo một tôn giáo cụ thể, số tổ chức tôn giáo chính thức được nhà nước công nhận về mặt pháp lý, và sự ghi nhận nhiều hơn đóng góp của tôn giáo với mọi phương diện của xã hội thế tục.

Sự sôi động của đời sống tôn giáo cũng có thể thấy trong một quá trình đa dạng hóa tôn giáo tiếp tục diễn ra. Đa dạng hóa tôn giáo cần được xem như một quá trình hai lớp, vừa là sự gia tăng về số lượng các thành tố của không gian tôn giáo, vừa là sự đa dạng hóa diễn ra trong chính các thành tố ấy. Về sự gia tăng các thành tố trong lĩnh vực tôn giáo tổng thể, có thể thấy rõ nhất trong sự gia tăng mạnh về số tổ chức tôn giáo được nhà nước công nhận hoặc cấp đăng ký hoạt động [Chung Van Hoang, 2020: 67-92]. Mặt khác, đã và đang xuất hiện rất phong phú các niềm tin tôn giáo và thực hành tôn giáo mới mẻ, có phần xa lạ, hoặc có tính thay thế, tồn tại linh hoạt trong cá nhân hay các nhóm rất nhỏ. Sự hiện diện của các loại hình tôn giáo mới ngoại nhập hay nội sinh đã là một hiện tượng từ sau Đổi mới [Chung Van Hoang, 2017: 7-8]. Rõ ràng, cấu trúc của đời sống tôn giáo cho đến trước Đổi mới vốn tương đối ổn định nay đã được gỡ ra, sắp xếp lại, đồng thời mở ra thêm các không gian cần thiết cho các yếu tố mới xuất hiện.

Một số nghiên cứu về tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam gần đây bởi các học giả trong nước và quốc tế cho thấy ngày càng có nhiều bằng chứng cho nỗ lực kết nối tôn giáo, tín ngưỡng với các chiến lược tìm

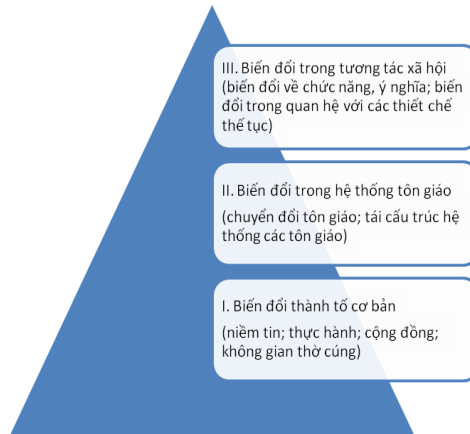
kiểm an toàn hiện sinh và an định về tinh thần nơi người dân sống trong bối cảnh xã hội chuyển đổi [xem Oscar Salemink 2010]. Cho nên, tôn giáo không chỉ là câu chuyện trên trời, là chúa trời, phật, thần, thánh xa xôi và vô hình, hay là quan ngại về chuyện gì xảy khi chết và kiếp sống mai sau mà ngày càng được quan tâm như vấn đề ở đây và ngay bây giờ, trong thế giới trần tục đầy rủi ro ngày càng nhiều biến động này. Nghĩa là, trong nhiều giải pháp mà mỗi cá nhân hay gia đình gặp phải trong đời sống hàng ngày, có những giải pháp từ tôn giáo, tâm linh. Ở tôn giáo, người ta có thể tìm thấy một nguồn cội của những chủ thể có quyền năng siêu nhiên có thể cải đổi hoàn cảnh sống; một nguồn cội của tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng, đạo đức vốn có thể giúp vượt qua những khó khăn trước mắt; một nguồn cội của sự an ủi và bù đắp từ đáng siêu nhiên và từ tổ chức tôn giáo hay cộng đồng tín đồ; và một niềm hi vọng dù mong manh vào tương lai sẽ vơi bớt đi những nhọc nhằn và lo lắng. Sự lệ thuộc nhiều hơn vào tôn giáo, lòng nhiệt thành tôn giáo... cũng là những thước đo cho biến đổi tôn giáo, ở cả cấp độ cá nhân và tập thể.

Tóm lại, từ quan sát thực tiễn đến các nghiên cứu có tính lý luận, và đặt trong tham chiếu với các lý thuyết phương Tây về biến đổi tôn giáo, chúng ta thấy có đủ cơ sở để nói rằng đã có sự biến đổi tôn giáo diễn ra ở Việt Nam. Biến đổi tôn giáo đã diễn ra trên nhiều chiều cạnh, có thể nói về những biến đổi bên trong và biến đổi bên ngoài; biến đổi ở các yếu tố vật thể hay phi vật thể; biến đổi ở yếu tố lớp vỏ vật chất hay yếu tố con người; biến đổi ở giá trị, ý nghĩa hay vai trò và chức năng. Biến đổi tôn giáo là một quá trình phức tạp, ngầm ẩn và lâu dài, tuy thế, trong các điều kiện nhất định quá trình này diễn ra mạnh mẽ hơn. Tuy thế, tôn giáo ở trong xã hội Việt Nam có nhiều đặc thù do các điều kiện riêng về lịch sử, chính trị, văn hóa-xã hội. Các điều kiện này khiến biến đổi tôn giáo trở nên phức tạp và phong phú về biểu hiện. Do đó, việc có một khung phân tích trực quan, khả dụng là rất cần thiết để có sự luận giải hiệu quả hơn đối với vấn đề này.

4. Đề xuất cách tiếp cận và phân tích biến đổi tôn giáo ở Việt Nam

Tôi đề xuất rằng, cần phân tích biến đổi tôn giáo ở ba cấp độ và cả ba cấp độ, vốn có sự độc lập nhất định nhưng cũng có quan hệ mật thiết với nhau. Như hình minh họa, những biến đổi ở cấp độ ba là ở tầm vĩ mô, sớm hay muộn cũng tác động đến sự thay đổi trong hệ thống các tôn giáo (cấp độ hai) và đến sự thay đổi trong những thành tố cơ bản trong mỗi tôn giáo, tức là cấp độ một. Ngược lại, những thay

đổi ở cấp độ vi mô như cấp độ một cũng sẽ tác động dần lên trên, khi đủ mức độ sẽ tạo ra thay đổi ở các cấp độ hai và ba.



Cấp độ thứ nhất

Ở cấp độ này, biến đổi tôn giáo diễn ra với các thành tố cốt lõi gồm niềm tin, thực hành, và cộng đồng. Niềm tin trong tôn giáo biểu hiện đồng thời qua: chân lý về sự sáng tạo và quản trị vũ trụ; sự mừng rỡ tượng thể giới như một trật tự có thứ bậc với các đấng thiêng ở trên và con người ở phía dưới như một lực lượng mang nhiều tính phụ thuộc; những cấm kỵ thể hiện lối ứng xử tách biệt giữa cái được coi là thiêng (thờ cúng, ca ngợi, thực hiện kiêng kỵ) với những gì còn lại là phàm tục; các truyện kể truyền đời về sự linh ứng của lời cầu nguyện hay sự trừng phạt của các đấng thiêng khi bị làm cho phật ý; niềm tin vào cuộc sống sau cái chết; sự cứu rỗi; thiên đàng và địa ngục, tầm quan trọng của tổ chức và duy trì các nghi lễ... Sự biến đổi trong niềm tin tôn giáo là sự thay đổi trong các biểu hiện nói trên. Từ Đổi mới, xuất hiện xu thế trở lại của niềm tin vào cái thiêng. Niềm tin này giờ đây không còn "bàng bạc" như từng được nhận xét trước đây, mà người ta quan tâm sâu sắc hơn đến khám phá thế giới bên kia, đến những thử nghiệm nhằm thiết lập giao tiếp với các đại diện từ thế giới đó, và tìm kiếm những lợi ích trần tục. Cái thiêng không còn được xem là hư ảo, vô hình, mà với nhiều người lại là quan trọng và hiện hữu hơn bao giờ hết. Hơn thế nữa, người ta tin rằng biết cách tác động đến cái thiêng có thể nhận lại những phần thưởng vượt trội, chẳng hạn như làm giàu hoặc thăng quan tiến chức.

Về thực hành, có thể phân tích qua thực hành các lời dạy trong kinh sách, những quy định của nội bộ tôn giáo, những khuyến răn về ứng xử đạo đức và qua thực hành nghi lễ. Thực hành tôn giáo có thể phân tích qua thực hành ở cấp độ cá nhân và cấp độ tập thể/cộng đồng. Thực hành tôn giáo có thể đồng thời phân tích qua thực hành những hoạt động thuần túy tôn giáo, bên trong cộng đồng và không gian tôn giáo (cầu nguyện, thực hiện nghi lễ, tổ chức sự kiện, giáo dục và đào tạo, quản trị tín đồ, truyền giáo) và những hoạt động hướng ra xã hội (tạo ra của cải vật chất, tác động vào chính trị, hỗ trợ an sinh xã hội qua làm từ thiện, tham gia bảo vệ môi trường và giảm thiểu các vấn nạn xã hội). Có thể thấy rõ, thực hành nghi lễ tôn giáo ở Việt Nam đã trải qua giai đoạn bị đứt quãng, giờ đây được khôi phục với sự sôi động về tần suất, mở rộng về quy mô và phong phú về hình thức. Một số xu thế đã diễn ra trong thực hành nghi lễ ở cấp độ cá nhân và cộng đồng đã được nhận diện như: gia tăng tần suất, quy mô và chi phí cho nghi lễ; xu thế gia tăng khả năng tùy biến, cá nhân hóa và tính di động; xu thế gia tăng chia sẻ niềm tin và thực hành tôn giáo trên môi trường trực tuyến...

Phân tích về cộng đồng tôn giáo có nghĩa là phân tích về phương thức tổ chức, hình thái của cấu trúc, và mô thức duy trì cũng như mở rộng *cộng đồng* người có chung niềm tin tôn giáo. Cộng đồng ấy gồm các người có phẩm vị (chức sắc), người tu hành chuyên nghiệp và tín đồ. Cộng đồng của các tôn giáo đã thể chế hóa thường được tổ chức rất bài bản và chặt chẽ, đi cùng với nghi lễ gia nhập cho tín đồ mới và cả việc loại bỏ tín đồ đã vi phạm quy định của tổ chức tôn giáo. Người đứng đầu cộng đồng tôn giáo thường là đại diện cho cộng đồng đó trong giao tiếp với các thiết chế quản trị hành chính nhà nước, cũng như với các tổ chức tôn giáo hay thế tục khác. Cộng đồng tôn giáo nào cũng đặt cho mình nhiệm vụ duy trì sự nhất quán, ổn định, tính cố kết, sự thể hiện các giá trị tôn giáo mang tính đặc thù, truyền giáo để duy trì và mở rộng cộng đồng.

Cộng đồng tôn giáo luôn đứng trước nhiều biến động. Trước đây các cộng đồng thờ cúng gắn với làng xã, hình thành từ mối quan hệ của những người biết về nhau một cách trực tiếp. Giờ đây, cộng đồng thờ cúng có thể cư trú ở trong và ngoài địa phương, thuộc nhiều mạng lưới quan hệ khác nhau và có cả mạng lưới quan hệ hoạt động dựa trên môi trường trực tuyến. Nhưng cộng đồng như thế cũng yếu đi về thiết chế quản trị. Cộng đồng thờ cúng do đó có sự mở rộng về biên độ, đa dạng

hóa về thành viên, trở nên linh hoạt hơn trong cách kết nối các thành viên, nhưng cũng phải thích ứng hơn với sự lỏng lẻo hơn trong cam kết, nghĩa vụ và trách nhiệm của các thành viên trong xã hội ngày nay đã bị chi phối rất nhiều bởi các thiết chế phi truyền thống. Ngoài ra, những giao lưu với cộng đồng ở xa hơn mang lại những tri thức, quan niệm, và cách ứng xử mới với cái thiêng ở địa phương mình. Vậy, phân tích về biến đổi cộng đồng tôn giáo phải làm rõ được những đổi mới trong tổ chức cộng đồng chung niềm tin tôn giáo nhằm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng ấy trong bối cảnh xã hội đã chuyển đổi.

Không gian thờ cúng của tôn giáo, nói cách khác là các cấu trúc vật chất được con người dựng lên phục vụ mục đích tôn thờ đấng thiêng. Các cấu trúc này trông có vẻ ổn định nhưng thực chất liên tục trải qua nhiều biến đổi. Phân tích biến đổi không gian tôn giáo cần tập trung làm rõ những hành vi, nhân tố, mục đích, phương thức và hình thức khiến cho các không gian đó có sự thay đổi từ cấu trúc bên trong lẫn giao diện bên ngoài. Cần trả lời các câu hỏi như các không gian tôn giáo được phục dựng và tôn tạo theo những xu thế và mô thức nào? Tại sao có những không gian tôn giáo mới được kiến tạo? Có sự thay đổi về thông điệp tôn giáo mà người ta muốn gửi gắm qua hoạt động làm biến đổi giao diện không gian thờ cúng không?

Cấp độ thứ hai

Ở cấp độ này, biến đổi tôn giáo có thể phân tích qua những biến đổi diễn ra trong hệ thống tôn giáo. Hệ thống tôn giáo ở đây muốn nói tới tổng thể lĩnh vực tôn giáo trong một xã hội cụ thể. Hệ thống đó được cấu thành từ các tôn giáo. Trong mỗi xã hội, sẽ có một hệ thống tôn giáo với cấu trúc riêng. Ở Việt Nam, hệ thống tôn giáo được cấu thành từ rất nhiều loại hình tôn giáo khác nhau. Nhưng đặc thù của cấu trúc hệ thống tôn giáo ở Việt Nam là các tôn giáo đã thể chế hóa (các tôn giáo lớn của nhân loại, các tôn giáo nội sinh) chiếm một phần nhất định (khoảng 1/3), trong khi đó phần lớn còn lại bao gồm các dạng thức tôn giáo phi thể chế hóa (tôn giáo dân gian) và các hiện tượng tôn giáo mới. Làm rõ sự biến đổi trong hệ thống này, như là tương quan giữa các tôn giáo thể chế hóa và tôn giáo phi thể chế hóa, tương quan giữa các truyền thống tôn giáo và các loại hình tôn giáo hiện đại, tương quan giữa tỷ lệ người có thực hành hành vi tôn giáo (thờ cúng lực lượng siêu nhiên) và người nhìn nhận mình là vô thần... là đã nói về biến đổi tôn giáo. Do đó, có thể phân tích qua quá trình đa dạng

hóa tôn giáo, quá trình thể tục hóa tôn giáo, sự hình thành và vận hành của thị trường tôn giáo, v.v.

Sự chuyển đổi tôn giáo cũng là một xu thế đại diện cho biến đổi tôn giáo ở cấp độ thứ hai. Việt Nam là một quốc gia tiêu biểu cho nhiều hình thức của chuyển đổi tôn giáo. Trong quá khứ, đó là sự tiếp nhận và đi theo các truyền thống tôn giáo lớn của nhân loại được đưa vào khu vực địa lý có người Việt Nam sinh sống, chẳng hạn như Phật giáo, Đạo giáo, Khổng giáo (với tư cách là tôn giáo), Islam giáo, Hindu giáo, Kitô giáo (chủ yếu là Công giáo và đạo Tin Lành),... Nhiều người đã từ bỏ hoàn toàn hoặc một phần truyền thống thờ cúng bản địa để đi theo các tôn giáo này. Trong thời hiện đại, nhiều cộng đồng người trở thành tín đồ của các tôn giáo nội sinh, hoặc đi theo Islam giáo hay đạo Tin Lành.

Cùng với những thay đổi trong mỗi tôn giáo, sự tái cấu trúc của hệ thống tôn giáo tổng thể mang lại biến động về tôn giáo. Sự tái cấu trúc hệ thống tôn giáo có thể hiểu là không gian chung của lĩnh vực tôn giáo được sắp xếp lại để có chỗ phù hợp cho những yếu tố cũ giờ đây đang phát triển và phát triển, đồng thời, cho những yếu tố mới xuất hiện như là những xu thế không thể tránh khỏi. Đặc biệt, sự tái cấu trúc này mang trong mình sứ mệnh phù hợp hóa hay thích ứng hóa để củng cố chỗ đứng của tôn giáo trong xã hội hiện đại.

Cấp độ thứ ba

Một số câu hỏi hiện đang đặt ra cần được trả lời, chẳng hạn như đã có những thay đổi nào về vai trò hay tầm quan trọng của tôn giáo đối với cá nhân và cộng đồng? Có sự gia tăng hay suy giảm chức năng của tôn giáo? Các giá trị tôn giáo là bất biến hay cũng thay đổi theo thời gian và điều kiện mới? Những câu hỏi này là quan trọng, bởi chúng góp phần lý giải sức sống của tôn giáo trong suốt thời gian đã qua và trong tương lai. Do đó, biến đổi tôn giáo cũng cần được xem xét trong những biến đổi trên phương diện vai trò, chức năng và giá trị. Tôn giáo đã làm phong phú và khóa lấp những khoảng trống của đời sống tâm linh, tinh thần; gia tăng chức năng hỗ trợ con người ứng phó với các vấn đề khó khăn và rủi ro của cuộc sống thường ngày trong bối cảnh nền kinh tế thị trường; mở ra những khả năng làm kinh tế mới (buôn bán hàng hóa tôn giáo, cung cấp dịch vụ tôn giáo); và tái kết nối cộng đồng dân cư. Về mặt ý nghĩa, tôn giáo cùng hệ thống giá trị của nó về nhận thức và đạo đức đang được đánh giá lại và nhấn

mạnh hơn ở phương diện là căn tính văn hóa hay bản sắc văn hóa của người Việt Nam. Sự tái khám phá các giá trị về nhận thức và đạo đức, cũng như vị trí trong bản sắc văn hóa mang lại cho tôn giáo truyền thống những sức sống mới và mở ra nhiều khả năng cho loại hình này được thích ứng với đời sống hiện đại.

Biến đổi tôn giáo cũng cần được phân tích qua sự tương tác của tôn giáo với xã hội, đặc biệt là với các thiết chế thể tục như chính trị, kinh tế, luật pháp, giáo dục, văn hóa và xã hội. Đặc biệt, trong bối cảnh chính sách và pháp luật về tôn giáo đã có sự đổi mới mạnh mẽ, đi cùng với quyền tự do tôn giáo được mở rộng và đảm bảo tốt hơn, các khả năng và giới hạn tôn giáo tham gia vào đời sống thể tục đã khác đi rất nhiều. Do đó, phân tích biến đổi tôn giáo cần bám sát những điều chỉnh chính sách và pháp luật từ phía Nhà nước về tôn giáo. Những điều chỉnh chính sách như thế thể hiện biến đổi quan điểm chính thống của Việt Nam về tôn giáo nói chung, về đảm bảo quyền tự do tôn giáo theo tiêu chí phổ quát nói riêng.

Vì vậy, việc phân tích thực tế biến đổi tôn giáo ở cấp độ này cũng cần phải ghi nhận: (1) sức mạnh và sự năng động của các nhân tố nhà nước/nhân tố chính trị với vai trò hoạch định chính sách, ban hành luật pháp, và thực thi luật pháp; (2) nhân tố người dân với rất nhiều sáng tạo và đổi mới trong lựa chọn, tìm kiếm, thực hành, chia sẻ trong cộng đồng, và thể hiện niềm tin tôn giáo; (3) sự thay đổi trong diễn giải thần học và diễn ngôn tôn giáo; (4) các điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa đương thời. Những phương diện này sẽ cung cấp một cái nhìn đa chiều và không phiến diện về thực tiễn của biến đổi tôn giáo. Vì thế, khái quát lại, phân tích biến đổi tôn giáo, tùy trường hợp cụ thể, có thể phân tích tại một trong ba cấp độ nói trên, hoặc kết hợp cả ba cấp độ ấy lại cùng một lúc.

5. Thảo luận và kết luận

Việc vận dụng khung phân tích biến đổi tôn giáo ba cấp độ nói trên là khả thi với cả đời sống tôn giáo nói chung và mỗi truyền thống tôn giáo nói riêng. Điều cần thiết là kết quả của phân tích phải xác định rõ các nhân tố tham gia vào quá trình đó, khái quát các kết quả và hệ quả kéo theo (hay tác động), và dự đoán các xu hướng biến đổi trong thời gian tới. Tuy thế, cần lưu ý đặc thù của đời sống tôn giáo hay mỗi truyền thống tôn giáo ở một bối cảnh địa lý đi cùng với các điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội cụ thể. Khi đó, việc phân tích biến đổi tôn

giáo phải xem xét thêm nhiều biến số và loại đi yếu tố không phù hợp, không hiện hữu. Ở Việt Nam có nhiều cộng đồng cư trú ở những khu vực rất khác nhau về địa lý và điều kiện sống như biển đảo, đồng bằng, đô thị, trung du, miền núi. Mỗi không gian cư trú như vậy có những đặc thù riêng về thuận lợi và rủi ro trong sinh tồn và phát triển. Những đặc thù ấy ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn loại hình tôn giáo, tín ngưỡng nào, vào thời điểm nào để theo.

Ví dụ, hãy xem xét vùng biên giới đất liền phía Bắc nước ta, nơi tiếp giáp với hai quốc gia láng giềng là Trung Quốc và Lào. Về địa hình, khu vực này cơ bản là núi cao, thê đốc, khan hiếm nguồn nước. Về dân cư, khu vực này là nơi sinh sống của một số dân tộc thiểu số như Mông, Dao, Lô Lô... vốn phân bố thưa thớt và không đồng đều. Về kinh tế, khu vực này là có nhiều nơi rất khó khăn, có nơi như vùng miền núi phía Bắc là một trong những "lõi nghèo" của cả nước. Về văn hóa, giáo dục, y tế và hạ tầng giao thông, vùng này cũng chậm phát triển hơn so với các vùng còn lại. Về tôn giáo, suốt thế kỷ XX, vùng này chỉ có một bộ phận nhỏ theo Công giáo, còn Phật giáo hầu như không vươn đến được, trong khi đa phần người dân theo tín ngưỡng truyền thống của tộc người. Sự xuất hiện đạo Tin Lành vào cuối thập niên 80 của thế kỷ XX qua hoạt động truyền giáo qua sóng radio của các nhân tố đạo Tin Lành quốc tế đã có tác động lớn đến quá trình biến đổi tôn giáo trong khu vực miền núi phía Bắc diễn ra cho đến tận hôm nay. Quá trình này chứng kiến cả ba cấp độ nêu trên. Ở *cấp độ thứ nhất*, trong nhiều làng bản ở Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang, Lào Cai, Cao Bằng... xuất hiện các thành viên theo đạo Tin Lành, tức là chuyển sang tin vào Chúa Trời là đáng thiêng duy nhất, từ chối niềm tin đa thần trong tín ngưỡng truyền thống. Đi cùng với niềm tin mới là lối thực hành nghi lễ mới và cách thức tổ chức cộng đồng mới, vốn đề cao tính dân chủ, bình đẳng. Ở *cấp độ thứ hai*, quá trình cải đạo hay chuyển đổi tôn giáo từng diễn ra ào ạt trong dân tộc Mông, Dao giai đoạn cuối thế kỷ XX đã thay đổi cấu trúc của đời sống tôn giáo tổng thể nói chung. Giờ đây, trong cấu trúc đó phải biến đổi theo hướng mở rộng để có chỗ cho đạo Tin Lành, một tôn giáo mang nhiều nét văn hóa phương Tây và hiện đại. Phật giáo lúc này dường như thức tỉnh, đẩy mạnh việc truyền bá Phật pháp, xây chùa ở vùng miền núi phía Bắc, tìm cách gia tăng sự hiện diện và ảnh hưởng. Công giáo cũng phải tự đổi mới để duy trì cộng đồng. Ở *cấp độ thứ ba*, việc xuất hiện các cộng đồng theo đạo Tin Lành giai đoạn đầu dẫn

đến những hiểu nhầm, căng thẳng, mâu thuẫn trong quan hệ, tương tác giữa những người theo đạo Tin Lành và người trung thành với tín ngưỡng tộc người, giữa người theo đạo Tin Lành với chính quyền, và giữa người theo đạo Tin Lành với người theo các tôn giáo khác, như Phật giáo, Công giáo. Ngày nay, cấu trúc mới của đời sống tôn giáo đã dần ổn định, nhưng các tôn giáo dù muốn hay không đều đang ở vào tình thế phải cạnh tranh với nhau để có thêm tín đồ. Để giành ưu thế trong cạnh tranh, các tôn giáo đều vừa phải đổi mới về thần học, vừa phải mạnh mẽ bước ra khỏi không gian truyền thống của mình để chiếm lĩnh những không gian mới, nắm bắt những phương tiện mới, và tận dụng những cơ hội mới... Tất cả đều minh chứng cho sự biến đổi tôn giáo, ở cả phạm vi cá nhân và cộng đồng, và ở cả ba cấp độ mà chúng tôi đề xuất ở đây.

Tóm lại, trong bối cảnh thế giới bước vào thiên niên kỷ thứ 2, trái với dự đoán về sự sớm suy yếu trước tiến trình thế tục hóa và hiện đại hóa, tôn giáo thực chất vẫn đang sống động. Trên nhiều hình thức khác nhau, tôn giáo đang dần thâm nhập chủ động hơn vào các lĩnh vực thế tục như chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe. Nhưng tôn giáo cũng không còn như được quan sát trong thế kỷ XX mà đang biến đổi để vừa tiếp tục khẳng định vị trí quan trọng và ý nghĩa của mình đối với cá nhân, cộng đồng và xã hội, vừa hợp lý hóa sự tồn tại của mình bên cạnh các thiết chế phi tôn giáo khác. Phân tích biến đổi tôn giáo cần phải thực hiện trên cả phương diện vi mô và vĩ mô, theo mỗi tầng bậc cụ thể của biến đổi mà chúng tôi đã đề xuất ở trên, và đặt trong sự tương tác hai chiều giữa lĩnh vực tôn giáo với các lĩnh vực thế tục, phi tôn giáo như chính trị, luật pháp, kinh tế, và văn hóa-xã hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cambridge dictionary, mục từ: “transformation”, truy cập tại: TRANSFORMATION | English meaning - Cambridge Dictionary
2. Hoàng Văn Chung (2021). "Cách tiếp cận Xã hội học về tôn giáo", trong: Chu Văn Tuấn và Hoàng Văn Chung (chủ biên), *Một số vấn đề về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Thomas David Dubois (2009). “Introduction”, trong: Thomas David Dubois (eds), *Casting faiths: Imperialism and the transformation of religion in East and Southeast*, Palgrave Macmillan.

4. James T. Duke và Barry L. Johnson (1989), "The Stages of Religious Transformation: A Study of 200 Nations", *Review of Religious Research*, Vol. 30, No.3.
5. James T. Duke, Barry L. Johnson (1989), "The Stages of Religious Transformation: A Study of 200 Nations", *Review of Religious Research*, Vol.30, No.3.
6. Nguyễn Hồng Dương (2018). "Biến đổi cộng đồng Công giáo ở Tây Nguyên hiện nay", Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*, số 3 (171).
7. Nguyễn Hồng Dương và Nguyễn Thị Quế Hương (2018). "Những biến đổi của Công giáo ảnh hưởng đến phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay", tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*, số 08 (176).
8. Paul Heelas (1991), "Western Europe: Self-Religions", trong: Peter Clarke (ed.), *The World's Religions: The Study of Religion, Traditional and New Religion*, London: Routledge.
9. Đỗ Lan Hiền (2018). "Biến đổi tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh mới hiện nay: Nhận diện qua niềm tin tôn giáo, hành vi tôn giáo và cộng đồng tôn giáo", trong Kỷ yếu hội thảo "Tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam trong bối cảnh mới", Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
10. Đỗ Quang Hưng (2013). *Chính sách tôn giáo và Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Đỗ Quang Hưng (2018). "Biến đổi đời sống tôn giáo – một yếu tố cần tính đến trong việc hoàn thiện chính sách tôn giáo", tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*, số 4 (172).
12. Chung Van Hoang (2020). "The double-layered diversification of Religion in Post-Renovation Vietnam". In: Jorn Borup, Marianne Q. Fibiger and Lene Kuhle (eds). *Religious diversity in Asia*, Brill.
13. Chung Van Hoang (2017). *New religion and state's response to religious diversification in contemporary Vietnam*, Springer.
14. Nguyễn Văn Minh (2013), *Tôn giáo, tín ngưỡng các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
15. Beverly Johnson-Miller (2015), "The Complexity of Religious Transformation", the journal of *Adult Theological education*, No.2.
16. Michael Lipka and Claire Gecewicz (2017), "More Americans now say they're spiritual but not religious", Pew Research Center, truy cập tại: More Americans now say they're spiritual but not religious
17. Nguyễn Xuân Nghĩa (2003), "Tôn giáo trong thời hiện đại: Thế tục hóa hay phi thế tục hóa", *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
18. Nguyễn Xuân Nghĩa (2019), "Giải thế tục hóa: Khái niệm và sự kiện (từ góc độ Xã hội học)", *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1 (181).
19. Nguyễn Phú Lợi (2018). Đời sống tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh mới", trong Kỷ yếu hội thảo "Tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam trong bối cảnh mới", Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

20. Lewis R. Rambo (1993). *Understanding religious conversion*. Yale University Press.
21. Oscar Salemink (2010). Ritual Efficacy, Spiritual Security and Human Security: Spirit Mediumship in Contemporary Vietnam. In: Eriksen, T. H., Bal, E. and Salemink, O. (eds.) *A World of Insecurity: Anthropological Perspectives on Human Security*, Pluto Press.
22. Philip Taylor (2007), "Introduction: Modernity and Re-enchantment in Post-revolutionary Vietnam", trong: Philip Taylor (chủ biên), *Modernity and Re-enchantment: Religion in Post-revolutionary Vietnam*, ISEAS-Yusof Ishak Institute, Singapore.
23. Crippen Timothy (1988). "Old and new gods in the modern world: Toward a theory of religious transformation", *Social Forces*.

Abstract

REFLECTIONS ON THE STUDY OF RELIGIOUS CHANGE IN CONTEMPORARY VIETNAM

Hoang Van Chung

Institute for Religious Studies

Vietnam Academy of Social Sciences

In the decades since Đổi Mới (Renovation), alongside the country's profound transformation and deepening integration with the global community, religion and religious life in Vietnam have also undergone significant changes. Understanding religious change enables us to grasp the dynamics of religion within specific political, economic, and cultural contexts, as well as anticipate its impacts on the mindset, lifestyles, and behaviors of religious followers. However, religious change in Vietnam manifests in diverse forms and unfolds along varying trends and intensities. While many studies have begun to analyze aspects of religious change in practice, usable analytical frameworks remain underdeveloped. This article contributes theoretical foundations for identifying and analyzing the forms and mechanisms of religious change and proposes an approach for analyzing religious transformation in Vietnam's current land border regions.

Keywords: religious change, religious life, modernization, secularization, land border regions